

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 08-7-2021  
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Đặng Hữu Tấn.
- Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:***  
Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Triệu Ngọc M, sinh năm: 1996. (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 6, ấp V, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* ông Phạm Anh T, sinh năm: 1983. (vắng mặt).

Địa chỉ: số 34/3, khóm Q, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Triệu Ngọc M trình bày: bà và ông T quen biết, tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2017, vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn thì bà và ông T về sinh sống ở nhà ông T. Khoảng năm 2019, do điều kiện công việc làm nghề phun xăm và có khách hàng ở nhà cha mẹ ruột tại huyện Châu Thành nên bà thường xuyên phải về nhà ở Châu Thành để làm việc từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cự cãi, bất đồng về quan điểm sống, tính tình không phù hợp, giữa bà và mẹ ông T cũng phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng. Trong cuộc sống hằng ngày ông T thường xuyên nhậu nhẹt, không thường xuyên ở nhà, không chăm lo cho gia đình, bà có khuyên nhiều lần nhưng ông T không thay đổi, vợ chồng không

có tiếng nói chung nên bà về nhà cha mẹ ruột sống khoảng hơn 01 năm nay. Từ khi không còn chung sống với nhau thì bà và ông T cũng không liên lạc và không cố gắng hàn gắn tình cảm, bà nhận thấy không còn tình cảm với ông T, hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

- Về con chung: không có.
- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.
- Về nợ chung: không có.

*Bị đơn ông Phạm Anh T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông T đối với yêu cầu khởi kiện của bà M.*

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và còn phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Triệu Ngọc M, về con chung: không có, về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Triệu Ngọc M có yêu cầu xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Phạm Anh T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Triệu Ngọc M yêu cầu ly hôn với ông Phạm Anh T. Ông T có nơi cư trú tại phường M, thành phố X, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Triệu Ngọc M có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 25/5/2021, bị đơn ông Phạm Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Triệu Ngọc M và ông Phạm Anh T xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật

nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Khi vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng do ông T thường xuyên nhậu nhẹt, không thường xuyên ở nhà, không chăm lo cho gia đình, bà M xác định không còn tình cảm với ông T, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm nên bà vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, bà M xác định không thể tiếp tục chung sống cùng với ông T, hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng 02 năm nay, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ cũng như không cố gắng hàn gắn, duy trì cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: không có.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ý kiến của bà M trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: bà M phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Ngọc M.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Triệu Ngọc M được ly hôn với ông Phạm Anh T. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 63/2017, ngày 08/8/2017 do UBND phường M, thành phố X, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: ghi nhận bà Triệu Ngọc M xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà Triệu Ngọc M và ông Phạm Anh T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Triệu Ngọc M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm*

ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002053 ngày 18/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà M đã nộp xong.

Bà Triệu Ngọc M, ông Phạm Anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- VP (5)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Diệu Tiên**